TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KT** **TỈNH HD**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST
Ngày: 25/11/2022.
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KT, TỈNH HD

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Chỉ và ông Nguyễn Trọng Bộ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Bốn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện KT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KT tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện KT mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 54/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 392, ấp Bảo Vệ, xã Giang Điền, huyện TB, tỉnh ĐN.

(Bà Huyền ủy quyền cho anh Tô Tân Th, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ 2, ấp Bảo Vệ, xã Giang Điền, huyện TB, tỉnh ĐN tham gia tố tụng)

* *Bị đơn:* Anh Đồng Văn T, sinh năm 1979 và chị Bùi Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Đội 10, Chuẩn Thừng, KĐ, KT, HD.

(Các đương sự đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn (Phan Thị H) trình bày:*

Bà kinh doanh thức ăn cho gia súc, gia cầm tại nhà nên anh Đồng Văn T và chị Bùi Thị H (làm nghề chăn nuôi) mua cám cho lợn ở cửa hàng của bà. Mỗi lần bà giao cám, anh T hoặc chị H thay nhau ký xác nhận nợ vào cuốn sổ tay. Do việc chăn nuôi không hiệu quả nên anh T , chị H chưa thanh toán tiền cho bà. Vì vậy, vào ngày 28/8/2019 anh T , chị H ký sổ xác nhận còn nợ lại bà số tiền 236.290.000 đồng; Bà H giao hẹn với anh T , chị H vào ngày 29/8/2019 phải trả cho bà số tiền còn lại. Tuy

nhiên, từ ngày ký xác nhận nợ cho đến nay, anh T , chị H không thanh toán cho bà bất kỳ khoản tiền nào. Bà đã rất nhiều lần liên hệ, tìm gặp anh T , chị H để yêu cầu trả tiền nợ nhưng anh T , chị H trốn tránh, từ chối không chịu thực hiện, điều này ảnh hưởng trực tiếp nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Đến nay, bà H yêu cầu TAND giải quyết buộc anh T , chị H phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 236.290.000 đồng và trả cho bà số tiền lãi tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định không quá 20%/năm, tạm tính từ ngày 29/8/2019 cho đến ngày ký đơn khởi kiện (ngày 01/11/2021) là 104.492.689 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi bà H yêu cầu anh T , chị H phải trả cho bà là 340.782.689 đồng.

**** Quan điểm của bị đơn:*** Anh T , chị H có vào sinh sống tại khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai từ năm 2010 đến năm 2019 thì về quê của anh T tại xã KĐ, huyện KT sinh sống cho đến nay. Trong thời gian sống tại Đồng Nai thì vợ chồng anh chị có mở trang trại chăn nuôi lợn và mua cám chăn nuôi của nhiều đại lý cám để phục vụ việc chăn nuôi. Vợ chồng anh chị có mua cám chăn nuôi của hộ gia đình bà Phan Thị H , tuy nhiên, vợ chồng anh chị không trực tiếp mua cám chăn nuôi của bà Huyền mà mua cám chăn nuôi của anh Th (là con trai bà H). Vợ chồng anh chị chăn nuôi đến năm 2019 thì trang trại bị dịch tả lợn Châu Phi dẫn đến UBND phường Tam Phước đã có Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 20/7/2019 tiêu hủy toàn bộ 434 con lợn có tổng trọng lượng là 18.701 kg tại trang trại của vợ chồng anh chị. Do toàn bộ tiền vốn làm ăn đã đầu tư vào trang trại, khi lợn bị tiêu hủy thì chỉ được cơ quan chức năng hỗ trợ khoảng 400.000.000 đồng. Vợ chồng anh chị đã sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc thanh toán trả một phần tiền mua cám chăn nuôi của các đại lý, tiền mua cám chăn nuôi của một số đại lý thì vợ chồng anh chị không còn khả năng thanh toán nên đã chốt nợ và về quê làm ăn. Hiện nay anh T làm việc tự do còn chị H thì làm công nhân tại Công ty. Anh chị đã được xem trực tiếp các tài liệu, chứng cứ là các chữ ký tại Sổ mua bán cám chăn nuôi do Nguyên đơn xuất trình, anh chị xác nhận đó đúng là chữ ký của anh chị ký xác nhận vào từng lần mua cám chăn nuôi và chốt tổng số tiền nợ mua cám chăn nuôi là 236.290.000 đồng. Hiện tại vợ chồng anh chị vẫn nợ số tiền mua cám chăn nuôi này của anh Th (con trai bà H). Đối với số tiền lãi mà bà H yêu cầu vợ chồng anh chị phải thanh toán là 104.492.689 đồng thì anh chị không đồng ý vì sau khi vợ chồng anh bị tiêu hủy đàn lợn thì ngày 28/8/2019 anh Tô Tân Th có đến gia đình anh đề nghị chốt lại số tiền mua cám chăn nuôi còn nợ. Sau đó, vợ chồng anh có trình bày với anh Th là do đàn lợn bị tiêu hủy, anh chị không còn khả năng thanh toán nên sẽ thu xếp để trả nợ dần số tiền trên. Nhưng do điều kiện kinh tế quá khó khăn nên vợ chồng anh chị phải về quê Kim Đính, KT để ở nhờ gia đình bố mẹ đẻ anh T cho đến nay. Giữa vợ chồng anh với bà H cũng như anh Th hoàn toàn không có bất kỳ thỏa thuận nào về thời gian thanh toán; sau khi anh chị về xã Kim Đính, huyện KT sinh

sống thì cũng không biết bà H khởi kiện đòi tiền anh chị ở thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Nay anh chị xác nhận số tiền nợ cám chăn nuôi đúng như yêu cầu khởi kiện của bà H là 236.290.000 đồng; anh chị không đồng ý về việc tính lãi suất đối với số tiền nợ mua cám. Đối với số tiền nợ nêu trên do vợ chồng anh chị làm ăn bị dịch bệnh, thua lỗ mất hết tài sản; hiện tại đi làm thuê và làm công nhân, ở nhờ nhà bố mẹ đẻ nên hoàn cảnh hết sức khó khăn. Do vậy, vợ chồng anh chị đề nghị bà Huyền tạo điều kiện để anh chị trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, anh chị không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

* Các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án:

- Ngày 20/5/2022, TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai có văn bản gửi Công an phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa xác minh về địa chỉ cư trú của anh T , chị H, kết quả: anh T , chị H hiện không cư trú tại tổ 11, khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hiện anh T , chị H chuyển về đội 10, thôn Chuẩn Thừng, xã Kim Đính, huyện KT, tỉnh HD sinh sống từ năm 2019 cho đến nay.

- Ngày 21/6/2022, TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai có văn bản gửi đến Công an xã Kim Đính, huyện KT, tỉnh HD xác minh về địa chỉ cư trú của anh T , chị H, kết quả: Công dân Bùi Thị H - sinh năm 1982 và công dân Đồng Văn T- sinh năm 1979 có đăng ký thường trú tại địa phương. Hiện tại 02 công dân nêu trên cư trú tại đội 10, thôn Chuẩn Thừng, xã Kim Đính, huyện KT, tỉnh HD.

- Ngày 05/9/2022, TAND thành phố Biên Hòa có Quyết định chuyển vụ án số 11 đến TAND huyện KT, tỉnh HD để giải quyết theo thẩm quyền.

- *Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh Tô Tân Th- sinh năm 1996, địa chỉ: Tổ 2, ấp Bảo Vệ, xã Giang Điền, huyện TB, tỉnh ĐN (là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn), thể hiện*: Anh được mẹ đẻ là bà Phan Thị H ủy quyền tham gia tố tụng. Gia đình anh kinh doanh cám chăn nuôi tại xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 47J8018638 do bà Phan Thị H là đại diện hộ kinh doanh. Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng anh T , chị H phải thanh toán số tiền nợ mua cám chăn nuôi là 236.290.000 đồng và tiền lãi (tạm tính từ ngày 29/8/2019 đến ngày 01/11/202) là 104.492.689 đồng. Yêu cầu vợ chồng anh T , chị H tiếp tục phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định không quá 20% tính từ sau ngày chốt nợ với anh T , chị H (28/8/2019) cho đến khi xét xử. Khi bán cám chăn nuôi của hộ kinh doanh gia đình anh thì anh là người trực tiếp giao cám chăn nuôi cho anh T , chị H. Chữ viết trong Sổ bán hàng về số lượng cám chăn nuôi giao cho anh T , chị H là chữ viết của anh, anh T , chị H ký nhận vào từng lần mua bán hàng. Đến ngày 28/8/2019 thì anh cùng vợ chồng anh T , chị H chốt số tiền mua bán cám chăn nuôi mà anh T , chị H nợ là 236.290.000 đồng. anh T , chị H có nói là chờ nhà nước thanh toán tiền hỗ trợ tiêu hủy lợn bị dịch bệnh

sẽ thanh toán tiền cám chăn nuôi cho gia đình anh. Giữa anh với anh T , chị H chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau về việc khi nào anh T , chị H nhận được tiền hỗ trợ của nhà nước đối với việc tiêu hủy lợn bị dịch thì sẽ thanh toán cho tôi. Các bên không có sự thỏa thuận bằng văn bản. Do anh giao cám chăn nuôi cho các hộ kinh chăn nuôi khu vực đó nên thỉnh thoảng anh vẫn qua gia đình anh T , chị H để đề nghị thanh toán số tiền nợ; việc đề nghị chỉ bằng miệng, không lập thành văn bản. Từ đó cho đến nay thì anh T , chị H chưa thanh toán cho gia đình anh số tiền cám chăn nuôi còn nợ. Cuối năm 2021 (khoảng tháng 11/12 dương lịch) anh T , chị H có bán diện tích đất trong Đồng Nai và mẹ anh có gọi điện đề nghị thanh toán số tiền nợ cá chăn nuôi nhưng anh T , chị H không thanh toán. Giữa gia đình anh và anh T , chị H không thỏa thuận về việc chịu lãi suất khi chậm thanh toán tiền cám chăn nuôi. Tuy nhiên do gia đình anh phải vay vốn kinh doanh, chịu lãi suất của Ngân hàng nên việc anh T , chị H chậm thanh toán ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình anh nên anh yêu cầu anh T , chị H phải thanh toán tiền lãi đối với số tiền cám chăn nuôi còn nợ; mức lãi suất 20%/năm. Thời điểm tính lãi từ sau ngày chốt nợ tiền cám chăn nuôi (28/8/2019) cho đến khi Tòa án giải quyết, xét xử. Tổng số tiền nợ gốc và lãi (tạm tính đến ngày 01/11/2021) là 340.782.689 đồng.

- Tại biên bản hòa giải hồi 09 giờ 05 phút ngày 04/11/2022 tại TAND huyện KT, tỉnh HD, thể hiện: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh T , chị H phải thanh toán số tiền nợ mua cám chăn nuôi là 236.290.000 đồng và tiền lãi (tạm tính từ ngày 29/8/2019 đến ngày 01/11/2021) là 104.492.689 đồng; yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc, lãi này một lần. Nếu anh T , chị H không thực hiện việc thanh toán tiền nợ gốc, lãi thì đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh T , chị H tiếp tục phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định không quá 20% tính từ ngày 02/11/2021 cho đến khi xét xử, giải quyết xong vụ án.

Bị đơn anh T , chị H xác định: Anh chị còn nợ tiền cám chăn nuôi là 236.290.000 đồng. Vào khoảng cuối năm 2021 (tháng 11 hoặc 12) dương lịch thì vợ chồng anh bán đất trong Đồng Nai, bà H có gọi điện cho chị H yêu cầu thanh toán tiền cám chăn nuôi còn nợ, vợ chồng anh có thỏa thuận với bà H sẽ thanh toán trong vòng 5 -6 tháng nhưng bà H không đồng ý, yêu cầu thanh toán hết 1 lần số tiền nợ nên vợ chồng anh không có khả năng thanh toán. Đối với tiền lãi Nguyên đơn yêu cầu thì vợ chồng anh không đồng ý vì khi mua cám chăn nuôi thì giữa các bên hoàn toàn không có thỏa thuận về việc tính lãi suất khi chậm thanh toán, mặt khác vợ chồng anh nợ nần tiền cám chăn nuôi do dịch bệnh, làm ăn vỡ nợ. Vợ chồng anh không có khả năng trả hết 1 lần tiền nợ, mà chỉ có thể thu xếp trả tiền nợ gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Bị đơn về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ cám chăn nuôi chưa thanh toán và lãi suất; Bị đơn không có khả năng trả hết 1 lần tiền nợ, mà chỉ có thể thu xếp trả tiền nợ gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KT:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật; Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 357; 430; 440, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H. Buộc anh T , chị H phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 236.290.000 đồng và số tiền nợ lãi trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 29/8/2019 đến ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ mua bán cám chăn nuôi thông qua hợp đồng dân sự nên thuộc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện đang cư trú và sinh sống tại xã Kim Đính, huyện KT, tỉnh HD nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện KT theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

2.1 Căn cứ xác định giao dịch hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các đương sự:

Quá trình Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ; các đương sự đều xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến 2019, anh T , chị H sinh sống tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai có chăn nuôi lợn và mua cám chăn nuôi của bà H. Việc thỏa thuận của hai bên về việc mua bán cám chăn nuôi là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên xác định đây là giao dịch hợp đồng dân sự phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2 Căn cứ xác định số tiền mua bán cám chăn nuôi còn nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa:

Ngày 28/8/2019, giữa anh T , chị H và bà H có ghi sổ chốt nợ tổng số tiền mua bán cám chăn nuôi tính đến thời điểm ngày 28/8/2019, anh T , chị H còn nợ bà H là 236.290.000 đồng (có chữ ký xác nhận của anh T , chị H). Từ đó đến nay, anh T , chị H chưa thanh toán được số tiền nêu trên cho bà H . anh T , chị H xác định còn nợ bà H số tiền mua cám chăn nuôi là 236.290.000 đồng phù hợp với số tiền nợ gốc theo yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ Nguyên đơn đã giao nộp.

Bị đơn xác định nguyên nhân chưa thanh toán được số tiền mua cám chăn nuôi do dịch tả lợn Châu Phi nên anh T , chị H bị tiêu hủy toàn bộ đàn lợn đang chăn nuôi; do khó khăn về kinh tế nên không thể thanh toán số tiền cám chăn nuôi cho bà H. Do vậy, bà H yêu cầu anh T , chị H phải thanh toán trả bà số tiền 236.290.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

2.3 Căn cứ xác định tiền lãi đối với số tiền mua bán cám chăn nuôi chậm trả:

Đối với yêu cầu của Nguyên đơn về việc anh T , chị H phải trả lãi 20%/ năm đối với số tiền nợ mua cám chăn nuôi (tính từ ngày 29/8/2019 đến thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử, giải quyết xong); Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa anh T , chị H và bà H là giao dịch mua bán, anh T , chị H đã nhận hàng hóa là thức ăn chăn nuôi của bà H nhưng chưa thanh toán, khi hai bên chốt nợ vào ngày 28/8/2019 hai bên không thỏa thuận về thời hạn trả tiền và lãi suất nên không có căn cứ chấp nhận mức lãi suất theo yêu cầu của Nguyên đơn. Căn cứ theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì anh T , chị H có trách nhiệm phải trả tiền cho bà H từ thời điểm hai bên chốt nợ; anh T , chị H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Giữa anh T , chị H và bà H không thỏa thuận về mức lãi suất chậm trả nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất được áp dụng trong trường hợp này là 10%/năm tính từ thời điểm ngày 29/8/2019. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần yêu cầu của bà H về việc buộc anh T , chị H phải trả tiền lãi suất trên số nợ gốc là 236.290.000 đồng tính từ ngày 29/8/2019 đến thời điểm Tòa án đưa vụ án ra xét xử (ngày 25/11/2022) là 38 tháng 27 ngày với mức lãi suất 10%/năm.

2.4 Xác định số tiền nợ gốc, lãi Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn:

Số tiền chậm thanh toán 236.290.000 đồng, tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 29/8/2019 đến ngày xét xử 25/11/2022 với mức lãi suất 10%/01 năm; tổng tiền lãi là: 76.579.342 đồng.

+ Số tiền lãi được chấp nhận để buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn là: 76.579.342 đồng.

+ Số tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn không được chấp nhận để buộc Bị đơn phải thanh toán là: 76.579.342 đồng.

2.5 Xác định nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc, lãi của Bị đơn đối với Nguyên đơn:

Buộc anh Đồng Văn Tvà chị Bùi Thị H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Thị H là: Tiền nợ gốc 236.290.000 đồng + tiền lãi 76.579.342 đồng. Tổng số tiền gốc, lãi phải thanh toán là: 312.869.342 đồng.

Việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ áp dụng quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về án phí:

3.1 Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của bà H được chấp nhận.

3.2 Đối với phần yêu cầu về tiền lãi không được chấp nhận thì Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho Nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp sau khi đã đối trừ số tiền án phí dân sự đối với phần yêu cầu về tiền lãi không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 357; 430; 440, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

2. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bà Phan Thị H.

Buộc anh Đồng Văn T và chị Bùi Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc là: 236.290.000 đồng + tiền lãi là: 76.579.342 đồng. Tổng số tiền nợ gốc, lãi anh Đồng Văn T và chị Bùi Thị H phải thanh toán cho bà Phan Thị H là 312.869.342 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1 Anh Đồng Văn T và chị Bùi Thị H phải chịu 15.643.467 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Bà Phan Thị H phải chịu 3.828.967 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ số tiền án phí vào số tiền tạm ứng án phí 8.520.000 đồng bà Phan Thị H đã nộp tại Chi

cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0000382 ngày 17/11/2021; hoàn trả bà Phan Thị H số tiền 4.691.000 đồng còn lại.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Đã báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6;7;9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa

Nơi gửi:
- *VKSND huyện KT;*
- *Chi cục THADS tp Biên Hòa, Đồng Nai;*
- *Chi cục THADS huyện KT.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*